

Bản án số: 33/2019/DS –ST  
Ngày: 10 - 04 - 2019  
“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Cư
2. Bà Nguyễn Thị Kim Khuyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 03 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2019/QĐST-DS ngày 19/3/2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn H (Ba Hồng), sinh năm 1952;

Nơi cư trú: số 272 tổ 10 đường Trần Phú, khóm Long Hưng, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Cao Văn T, sinh năm 1966;

Bà Lê Thị L, sinh năm 1967;

Cùng cư trú: tổ 11 ấp Phú Yên, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2018, bản tự khai và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Vào năm 2015 ông Cao Văn T và bà Lê Thị L có đến cửa hàng của ông Lê Văn H mua vật tư nông nghiệp để canh tác đất nông nghiệp, hai bên thỏa thuận xong vụ mùa thu hoạch thì thanh toán dứt điểm số tiền mua phân bón thuốc bảo vệ thực vật, hai bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm hợp đồng, khi mua hàng thì vào sổ mua hàng và ông T bà L ký vào cột còn nợ lại số tiền

mua hàng. Sau đó đến mùa vụ sau 2016 thì vợ chồng ông T và L cũng đến cửa hàng của ông Lê Văn H mua vật tư nông nghiệp, số tiền ông T và bà L còn nợ lại vụ mùa là 38.000.000 đồng, và có làm biên nhận nợ ngày 27/02/2016, nhưng từ khi làm biên nhận nợ tiền mua vật tư nông nghiệp thì ông T và L không trả tiền cho ông H. Đến tháng 10 năm 2017 ông H có làm đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán tại ấp Phú Yên, xã Phú Lộc về hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp giữa ông H và ông T bà L còn nợ là 38.000.000 đồng, tại văn phòng ấp Phú Yên, xã Phú Lộc bà L cũng thừa nhận còn nợ ông H tiền mua bán vật tư nông nghiệp số tiền là 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng và bà L hẹn mỗi năm trả 10.000.000 đồng, thời điểm đó ông H cũng đồng ý, nhưng đến hẹn trả 01 năm sau (năm 2018) ông H có yêu cầu trả số tiền nợ nhưng ông T và bà L cũng không thực hiện theo thỏa thuận. Do đó, ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu ông T và bà L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền còn nợ là 38.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần dứt điểm không đồng ý cho trả dần, đối với phần lãi suất phát sinh ông H xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 38.000.000 đồng, từ ngày 27/02/2016 cho đến khi xét xử, theo biên bản lời khai ngày 28/01/2019.

Tại phiên tòa ông Lê Văn H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu có ý kiến với việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo đúng qui định pháp luật. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý và tại phiên tòa, các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa như đã quy định.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Lê Văn H và ông Cao Văn T và bà Lê Thị L, hợp đồng mua bán tài sản (phân bón và thuốc bảo vệ thực vật) hai bên tuy không lập thành văn bản, nhưng có giấy xác nhận mua hàng và giấy biên nhận nợ, và biên bản hòa giải các bên đương sự thống nhất số tiền nợ mua bán tài sản tại văn phòng ấp Phú Yên, xã Phú Lộc, khi ông H khởi kiện thì Tòa án đã tổng đạt các văn bản nhưng vợ chồng ông T bà L cũng không có ý kiến phản hồi, và vắng mặt không lý do. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo Điều 430; 440; 288 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, buộc ông Cao Văn T và bà Lê Thị L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đồng cho ông Lê Văn H

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H đối với yêu cầu tính lãi suất tính từ ngày 27/02/2016 đến khi xét xử trên số tiền 38.000.000 (Ba mươi tám triệu) đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn H và ông Cao Văn T, bà Lê Thị L tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án dân sự, đã tiến hành các thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật và ông Cao Văn T và bà Lê Thị L đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T bà Lê vắng mặt không lý do. Do ông T, bà L vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Cao Văn T và bà Lê Thị L.

Về nội dung:

[1] Căn cứ vào lời trình bày và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn ông Lê Văn H cung cấp xác định vợ chồng ông Cao Văn T và bà Lê Thị L mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật để canh tác đất nông nghiệp vụ mùa năm 2015-2016, cụ thể ông T, bà L mua nhiều lần, mỗi lần mua đều có xác nhận hàng và xác nhận nợ, tổng số tiền hai bên chốt nợ là 38.000.000 (Ba mươi tám triệu) đồng, hai bên thỏa thuận sau khi thu hoạch vụ mùa thì thanh toán dứt điểm số tiền mua phân bón thuốc bảo vệ thực vật. Sau khi ông T, bà L thu hoạch xong vụ mùa thì không thanh toán tiền. Nay ông Lê Văn H yêu cầu vợ chồng ông Cao Văn T và bà Lê Thị L cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền 38.000.000 (Ba mươi tám triệu) đồng và ông H không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

[2] Căn cứ vào các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông T, bà L được tổng đạt và ký nhận, và hiện có cư trú tại địa phương nhưng ông bà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và ông T và bà L đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

[3] Xét, về hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Lê Văn H và vợ chồng ông Cao Văn T và bà Lê Thị L. HĐXX xét thấy, hợp đồng mua bán tài sản (phân bón và thuốc bảo vệ thực vật) hai bên tuy không lập thành văn bản, nhưng có giấy xác nhận mua hàng và giấy xác nhận nợ, biên bản hòa giải ở ấp Phú Yên, xã Phú Lộc thì bà L thừa nhận còn nợ ông H số tiền 38.000.000 đồng, hợp đồng hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Do đó HĐXX căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét thấy trong quá trình mua bán ông T, bà L đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông H, phía ông H khởi kiện vợ chồng ông T, bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là 38.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi lẽ vợ chồng ông T và bà L là vợ chồng và ông bà mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật để phục vụ cho canh tác đất nông nghiệp, phục vụ cho nhu cầu kinh tế gia đình. Ngoài ra tại biên bản hòa giải tại

áp Phú Yên, xã Phú Lộc bà L cũng thừa nhận còn nợ ông H số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 38.000.000 đồng, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, buộc ông T và bà L cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho ông Lê Văn H số tiền 38.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

Theo đơn khởi kiện của ông H yêu cầu vợ chồng của ông T bà L phải trả lãi suất trên số tiền 38.000.000.000 đồng tính từ ngày 27/02/2016 cho đến khi xét xử, nhưng đến ngày 28/01/2019 ông H rút lại yêu cầu không tính lãi suất phát sinh. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất phát sinh của ông H, ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[ 4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Cao Văn T và bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông H theo quy định của khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430; 440; 288 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H, buộc ông Cao Văn T và bà Lê Thị L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Lê Văn H số tiền là 38.000.000 đồng ( Ba mươi tám triệu) đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất tính từ ngày 27/02/2016 cho đến khi xét xử của số tiền 38.000.000 đồng của ông Lê Văn H, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Cao Văn T và bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.900.000 (Một triệu chín trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả lại cho ông Lê Văn H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 đồng theo biên lai thu số 0009588 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

*“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Diệu**